

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30-5-2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thúy Kiều

Ông Trương Văn Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lý Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2022/TLST – HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 10/5/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm C, sinh năm 1974 (Vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Đỗ T, sinh năm 1969 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm E, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ *Tại đơn khởi kiện lập ngày 24/01/2022, nguyên đơn bà Phạm C trình bày:*

Về hôn nhân: Vào năm 1995, được hai bên gia đình đồng ý nên giữa bà và ông T tiến tới hôn nhân và tự nguyện đi đăng ký kết hôn với nhau. Ngày 20/11/2019 được Ủy ban nhân dân Phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn.

Trong thời gian đầu cuộc sống hôn nhân rất hạnh phúc và vợ chồng bà có hai đứa con chung tên Đỗ PT, sinh ngày 30/4/1996 và Đỗ NT, sinh ngày 30/11/1998 hiện con chung đã trưởng thành và có cuộc sống riêng. Tuy nhiên,

thời gian gần đây thì giữa bà và ông T bắt đầu xuất hiện nhiều mâu thuẫn, thường hay cãi vã, bất đồng quan điểm với nhau, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc như xưa.

Bà Phạm C yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm xem xét giải quyết:

Về hôn nhân: Bà C yêu cầu ly hôn với ông Đỗ T.

Về con chung: Các con đã trưởng thành, không yêu cầu xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2/ Theo biên bản lấy lời khai của ông Đỗ T lập ngày 23/5/2022, ông T trình bày như sau:

Vào năm 1994 hoặc 1995 thì ông không nhớ rõ lắm thì ông và bà C cưới nhau. Trong quá trình chung sống thì ông và bà C có được với nhau hai đứa con chung là Đỗ PT và Đỗ NT, ông không nhớ rõ ngày tháng sinh của các con nhưng hiện nay hai con ông đã trên 18 tuổi. Trong quá trình chung sống theo như ông nguyên nhân bà C nộp đơn khởi kiện thì bà C có mối quan hệ bất chính với người đàn ông khác, ông có nhiều lần khuyên can vợ nhưng vợ ông không nghe, còn xảy ra cự cãi với nhau nên vợ ông đã nộp đơn xin ly hôn với ông. Nay bà C nộp đơn xin ly hôn với ông thì ông cũng thống nhất ly hôn. Trong quá trình chung sống thì ông và bà C không có nợ ai, cũng không có ai nợ vợ chồng ông. Ngoài ra, ông yêu cầu xin được vắng mặt khi xét xử vì ông bận công việc nên không tham dự được.

3/ Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt, đều có yêu cầu giải quyết vắng mặt đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm phát biểu về tính có căn cứ và hợp pháp của yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân đề nghị chấp nhận cho bà Phạm C ly hôn với ông Đỗ T. Về con chung theo như các đương sự trình bày đều đã trưởng thành, có cuộc sống riêng nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về nợ chung, tài sản chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn, các đương sự cũng không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Phạm C và bị đơn ông Đỗ T đều vắng mặt

nhưng đều yêu cầu xét xử vắng mặt. Tại Tòa Kiểm sát viên yêu cầu tiến hành xét xử vắng mặt bà C và ông Trong. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm C và ông Đỗ T đã tự nguyện sống chung với nhau năm 1995. Đến ngày 20/11/2019 bà Phạm C và ông Đỗ T là những người có đầy đủ điều kiện kết hôn, ông bà tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông T là hợp pháp. Trong cuộc sống chung giữa vợ chồng, bà C cho rằng đã phát sinh nhiều bất đồng quan điểm trong lối sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã với nhau. Bà C nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa ông bà hiện tại không còn hạnh phúc. Còn ông T cho rằng phát sinh mâu thuẫn, cãi vã với nhau thường xuyên là do bà C có mối quan hệ bất chính với người khác nhưng ông cũng không có yêu cầu gì về vấn đề này, ông cũng đồng ý ly hôn với bà C. Tòa án mời các đương sự tham gia phiên hòa giải nhưng các đương sự không đến tham gia đầy đủ đồng thời khi lấy lời khai ông T cũng xin được vắng mặt xét xử nên Tòa án không thể động viên hai bên hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, nền tảng của mối quan hệ hôn nhân vững chắc là việc vợ chồng yêu thương nhau, quan tâm, chăm sóc nhau, tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Trong cuộc sống vợ chồng của bà C và ông T đã không còn sự quan tâm, tin tưởng dành cho nhau, thể hiện bà Chính và ông Trong đã không cùng nhau tham gia hòa giải, không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, tình trạng mâu thuẫn giữa hai người là trầm trọng không thể khắc phục, hôn nhân của ông bà không có hạnh phúc và không thể kéo dài được nữa. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà C được ly hôn với ông T.

[3] Con chung: Bà Phạm C và ông Đỗ T có hai con chung là Đỗ PT, sinh ngày 30/4/1996 và Đỗ NT, sinh ngày 30/11/1998. Bà C và ông T đều trình bày hiện các con chung của ông bà đã trưởng thành và có cuộc sống riêng. Các đương sự không yêu cầu gì về con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Phạm C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông Đỗ T không phải chịu án phí.

[6] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm về hướng giải quyết vụ án nêu trong phần nội dung vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm C.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm C được ly hôn với ông Đỗ T.

2/ Về con chung: Các con chung của nguyên đơn và bị đơn đã trưởng thành, có cuộc sống riêng, nguyên đơn và bị đơn đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3/ Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về án phí sơ thẩm: Bà Phạm C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002579 ngày 03/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Như vậy, bà Phạm C đã thực hiện xong phần án phí. Ông Đỗ T không phải chịu án phí.

5/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đương sự cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- CCTHADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND Phường A, TXNN;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

Đã ký và đóng dấu

Đặng Thị Vàng